

PHAN BA

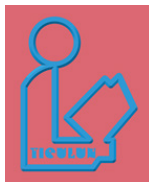
50 năm Vụ án

Xét lại
chống Đảng



50 năm Vụ án “Xét lại chống Đảng”

Phan Ba



Paris * 09.2025

Bìa & dựng : *Ban Tuyển đọc TVTL*
Nguồn : *Internet*

50 năm Vụ án “Xét lại chống Đảng”

PHAN BA

12-2017

Bối cảnh lịch sử

Sau khi Stalin qua đời năm 1953, Nikita Khrushchev lên nắm chức vụ bí thư thứ nhất của Đảng Cộng sản Liên xô. Tại Đại hội lần thứ 22 của Đảng, Khrushchev đọc bài diễn văn phê phán việc sùng bái cá nhân Stalin (“Về sùng bái cá nhân và những hậu quả của nó”). Nguyên tắc “chung sống hòa bình” bắt đầu xuất hiện trong các bài diễn văn của Khrushchev từ 1955. Ông tuyên bố rằng, mục tiêu bây giờ là chiến thắng chủ nghĩa tư bản trước hết bằng kinh tế và rồi bắt đầu thực hiện một loạt cải cách.



Ông Hoàng Minh Chính suốt đời
kêu gọi đấu tranh
và đã nhiều lần bị cầm tù

Các ý tưởng mới này của Liên Xô
thâm nhập về Việt Nam qua nhiều đường.
Hàng trăm sinh viên Việt Nam đã được
gửi qua Liên Xô học bắt đầu từ năm 1954
và ít nhiều đều chịu ảnh hưởng của làn

gió mới trên chính trường Xô viết. Một trong những người này là Hoàng Minh Chính, học tại trường Đảng ở Moscow từ 1957 đến 1960. Bên cạnh đó là giới trí thức trong nước ở miền Bắc. Tuy người dân miền Bắc, theo thông tin viên Đông Đức Kapfenberger, “...thuộc trong số những người dân được thông tin tồi tệ nhất¹...”, nhưng giới trí thức thông thạo tiếng Pháp và tiếng Nga vẫn còn có thể tiếp cận được với báo chí tiếng Nga và tiếng Pháp xuất bản từ Liên xô. Một nguồn thông tin khác là văn phòng của Thông tấn xã Liên xô tại Hà Nội mà người Việt vào thời gian đó vẫn còn có thể ra vào tương đối không bị cản trở. Thêm nữa, người Việt còn có thể tiếp xúc thường xuyên và tương đối tự do với một số người nước ngoài như với người Đức Erwin Bochers, người Pháp Albert

1 Die Partei und der Krieg, Martin Großheim, trang 76

Clavier. Đặc biệt Erwin Bochers và thông tin viên Đông Đức sau này Pommerening đều thường xuyên tiếp xúc với nhiều người như với Lê Liêm, Vũ Đình Huỳnh, Dương Bạch Mai và Phạm Viết. (Sau này chính Bochers cũng bị nghi ngờ là thuộc “thành phần xét lại”, Lê Liêm bị cách chức và bị quản thúc tại gia, Dương Bạch Mai chết trong hoàn cảnh hết sức đáng ngờ năm 1964, còn Vũ Đình Huỳnh và Phạm Viết thì bị bắt năm 1967. Phạm Viết chết trong tù năm 1971.

Những năm đầu tiên của thập niên 1960 ở miền Bắc

Qua đó, từ những năm đầu thập niên 1960, trong Đảng Lao Động và trong giới trí thức ở miền Bắc bắt đầu thành hình một nhóm người nghiên cứu theo chính sách

chung sống hòa bình và tương đối cởi mở hơn của Liên bang Xô viết. Đứng đối nghịch lại với họ là phe nhóm đứng dưới quyền Lê Duẩn, chịu ảnh hưởng của tư tưởng Mao Trạch Đông, kiên quyết không chung sống hòa bình với chủ nghĩa tư bản và chủ trương tiến chiếm miền Nam thống nhất đất nước bằng bạo lực vũ trang.

Những người chống lại chính sách “chủ chiến” của phe Lê Duẩn – Lê Đức Thọ thường là giới trí thức hoặc chuyên môn, nhiều người đã từng học tại Liên Xô, đều thông thạo ngoại ngữ ví dụ như Tạ Quang Bửu và Bùi Công Trừng (cả hai người là Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước), Hoàng Minh Chính (Viện trưởng Viện Triết học Mác-Lênin), Minh Tranh (Giám đốc nhà xuất bản Sự Thật), Nguyễn Kiến Giang (Phó giám

đốc nhà xuất bản Sự Thật) và nhiều cán bộ cao và trung cấp quanh Võ Nguyên Giáp.

Một trong những câu hỏi chính gây nhiều tranh cãi giữa hai phe phái là câu hỏi về chiến lược thống nhất đất nước. Một số trí thức ủng hộ đường lối chung sống hoà bình và phản đối việc dùng bạo lực vũ khí để thống nhất đất nước vì họ e ngại phải hy sinh quá lớn. Tuy vậy, họ không dám phản đối công khai chiến lược tiến hành chiến tranh để thống nhất đất nước của Lê Duẩn-Lê Đức Thọ-Nguyễn Chí Thanh. Lúc đó, chỉ cần đề cập đến “thống nhất trong hoà bình” là đã nguy hiểm rồi². Thường thì những người này chỉ bày tỏ ý muốn đi tìm một khả năng thống nhất hai miền Nam Bắc phù hợp với chính sách chung sống hoà bình của

2 Email Nguyễn Minh Cẩn gửi cho Martin Großheim, 20/07/2017. Trích dẫn theo Die Partei und der Krieg

Liên Xô. Người duy nhất công khai ủng hộ không úp mở chính sách chung sống hoà bình là Hoàng Minh Chính.

Minh Tranh, Giám đốc nhà xuất bản Sự Thật, qua một bài viết trong tháng 10 năm 1960 cũng hé lộ sự bất đồng quan điểm của mình. Ông cho rằng phải dành ưu tiên cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội miền Bắc trước và trong đấu tranh chống chính phủ Ngô Đình Diệm thì nhân dân miền Nam cần phải dựa trên sức lực của mình là chính. Minh Tranh đã đóng một vai trò đặc biệt trong xung đột với phe “chủ chiến” của Lê Duẩn. “Ông nổi lên như người phát ngôn chính cho những người hoài nghi chiến lược miền Nam của Lê Duẩn³.”

Bài viết của Trường Chinh trong tờ

3 Latimer, Thomas Kennedy (1972). *Hanoi's Leaders and their South Vietnam Policies: 1954-1968*, trang 97, Ph. D. Diss, Georgetown University.

Học Tập tháng 4 năm 1961 cũng đi theo cùng một đường hướng. Trường Chinh nhấn mạnh rằng nhân dân miền Nam là sức mạnh đấu tranh chống chế độ Diệm và Hoa Kỳ trực tiếp, trong khi miền Bắc phải tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đồng thời ông cũng phê bình rằng có vài đồng chí vẫn còn chưa hiểu hết tính chất khó khăn, phức tạp và lâu dài của cuộc cách mạng ở miền Nam. Sang đến năm 1962, Trường Chinh đã nhờ Trần Đình viết hồi ký với ý định dùng nó để “phát cờ tập hợp” về phe ông. Nhưng sau đó, Trường Chinh không dùng đến quyển hồi ký vì biết mình đã thua phe Lê Duẩn⁴.

Năm 1961 cũng là năm tác phẩm “Chiến tranh Nhân dân, Quân đội Nhân dân” của Võ Nguyên Giáp ra đời. Trong đó Giáp rút ra bài học từ cuộc chiến

4 Đền Cù, Trần Đình, trang 10, NXB Người Việt Books, 2014

tranh chống thực dân Pháp, rằng sự chuyển tiếp từ đấu tranh chính trị sang đấu tranh vũ trang phải được chuẩn bị kỹ lưỡng và dài lâu. Với trọng tâm thành lập một nền tảng đấu tranh chính trị thay vì bước quá sớm vào giai đoạn tấn công quân sự, Giáp bước ra xa khỏi chiến lược thống nhất bằng vũ lực quân sự của phe Lê Duẩn. Vì thái độ cẩn trọng này mà những năm sau đó, ông bị Lê Duẩn và phe của Lê Duẩn cho là “hèn”, “rụt rè”, thậm chí còn có tư tưởng “hữu khuynh”⁵.

Thêm vào đó, nhiều tiếng nói từ tầng lớp cán bộ trung cấp và từ giới trí thức ở miền Bắc cũng đã yêu cầu có “nhiều dân chủ hơn”. Thế nhưng đứng trước tình hình căng thẳng ở miền Bắc và trước việc đất nước bị chia cắt, những yêu cầu này của

5 Martin Großheim phỏng vấn Phạm Văn Hùng, 17/09/2006.

họ dễ dàng bị xem là chống lại công cuộc tái thống nhất đất nước. Thông tin viên Đông Đức Pommerening tường thuật trong tháng 11 năm 1961 về trụ sở chính của ADN (Thông tấn xã Đông Đức) rằng nhiều nhân vật trí thức Hà Nội thường hay lui tới ngôi nhà Thông Tấn Xã Đông Đức mà “đồng chí Chiến Sỹ” (tức Erwin Borchers) vẫn còn sống trong đó và biểu lộ ý muốn có nhiều nguyên tắc dân chủ hơn nữa trong Đảng. Nhưng ý muốn này rõ ràng chỉ muốn “có nhiều dân chủ” hơn trong khuôn khổ của hệ thống chính trị cộng sản , chứ không muốn phá bỏ hệ thống đó.

Bắt đầu chiến dịch chống “Chủ nghĩa Xét lại” ở miền Bắc



Từ trái sang: Thành viên của Bộ Chính trị Đảng Lao Động Việt Nam Lê Đức Thọ, phi hành gia Boris Yegorov, phi hành gia Vladimir Komarov, Thủ tướng Việt Nam Phạm Văn Đồng, và phi hành gia Konstantin Feokistov tại Nga ngày 01/1/1964

Sang năm 1963, cuộc xung đột giữa hai phe bùng nổ lớn. Mở đầu cho cuộc tranh cãi này là bài báo của Minh Tranh, giám đốc Nhà Xuất Bản Sự Thật trong tờ Học Tập tháng 2 năm 1963. Bài báo bày

tỏ sự lo ngại về việc đẩy mạnh việc tái thống nhất đất nước. Hoa Kỳ là một thế lực kinh tế và quân sự mạnh hơn thực dân Pháp trước đây rất nhiều và với sự hiện diện của 10.000 cố vấn Mỹ ở miền Nam Việt Nam, tình hình đã thay đổi. Minh Tranh cũng cảnh báo không nên xem thường các “định luật khách quan” của cách mạng và không nên coi trọng ý muốn chủ quan của con người quá nhiều. Đây là một lời phê bình hướng thẳng đến Tổng Bí thư Lê Duẩn và Tướng Nguyễn Chí Thanh, những người dựa vào các lập luận của Mao Trạch Đông và nhấn mạnh đến ý chí của con người trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù vượt trội về vật chất.

Tháng 4 năm 1963, tờ Học Tập in một bài diễn văn của Lê Duẩn đọc tại Trường Đảng. Trong bài diễn văn này, Lê Duẩn phát biểu chống “Chủ nghĩa Xét

lại Nam Tu” và cảnh báo “chủ nghĩa đầu hàng” trước “kẻ thù giai cấp”. Theo Lê Duẩn, tin rằng có thể tiến lên chủ nghĩa xã hội bằng con đường hòa bình là sai lầm. Người ta chỉ có thể chống lại các lực lượng phản cách mạng bằng bạo lực của “chuyên chính vô sản”.

Đi theo cùng với giọng nói gay gắt hơn này là nhiều thay đổi về mặt nhân sự để làm suy yếu phe chống đối. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Ung Văn Khiêm bị Xuân Thủy thay thế và bị đẩy sang chức vụ Bộ trưởng Bộ Nội vụ kém quan trọng hơn. Phòng Việt Nam trong Bộ Ngoại giao của CHDC Đức thời gian này cũng nhận được những thông tin bí mật mà “...theo đó, các chức vụ lãnh đạo trong phòng báo chí của Trung ương Đảng và của Bộ Ngoại giao, trong các cơ quan báo chí, thông tấn xã, đài phát thanh

và Tuyên truyền được giao về cho các đồng chí ‘theo đường lối Trung Quốc một cách cứng rắn.’”⁶ Các thay đổi nhân sự này trong chính phủ và bộ máy tuyên truyền cũng nhằm phục vụ cho chuyển thăm chính thức của Chủ tịch nước Trung Quốc Lưu Thiếu Kỳ trong tháng 5 năm 1963. Bản tuyên bố chung lên án “Chủ nghĩa Xét lại” và “Chủ nghĩa Cơ hội Hữu khuynh” như là mối nguy hiểm chính cho phong trào cộng sản quốc tế. Hè 1963, bầu không khí chính trị ở miền Bắc càng lúc càng căng thẳng hơn. Tháng 8 năm 1963, Liên bang Xô viết ký kết hiệp định chấm dứt thử bom nguyên tử với Hoa Kỳ và Liên hiệp Anh, nước VND-CCH tiếp tục rời xa đường lối của Liên xô. Đại sứ quán CHDC Đức, thông qua thông tin viên Pommerening và Chiến Sỹ (Erwin Borchers) nhận được thông

6 Trích dẫn theo Martin Großheim, Die Partei und der Krieg, trang 98

tin về một lá thư nội bộ của Trung ương Đảng Lao Động gửi cho tất cả các chi bộ mà trong đó nói rằng Đảng Lao Động chống lại hiệp định đó vì nó tạo nên ảo tưởng về chủ nghĩa tư bản ở nhân dân, làm suy yếu tính sẵn sàng tính sẵn sàng phòng thủ của phe xã hội chủ nghĩa, đào sâu sự chia cắt của phong trào công nhân cộng sản và quốc tế. Trong một cuộc họp các cán bộ cao cấp, Bí thư Đảng Lê Duẩn công khai tấn công quan điểm của Liên xô. Khi người Pháp Albert Clavier, làm việc cho tờ *Le Vietnam en marche*, đưa ra câu hỏi rằng phải ứng xử như thế nào khi là đảng viên của Đảng Cộng sản Pháp đã ủng hộ hiệp định đó, thì Lê Duẩn đã nổi giận và gọi Maurice Thorez, Chủ tịch Đảng Cộng sản Pháp, là “tên phản bội giai cấp công nhân Pháp”⁷.

7 De l'Indochine coloniale au Vietnam libre. Je ne regretted rien. Albert Clavier, Paris: Les Indes Savantes, 2008. Trích dẫn theo Martin Großheim, *Die Partei und der Krieg*.

Tướng Nguyễn Chí Thanh, thuộc trong số những người ủng hộ đẩy mạnh thống nhất bằng một chiến lược hiếu chiến, với một bài viết trong báo Học Tập đã phản hồi trực tiếp bài viết của Minh Tranh hồi tháng 2 năm 1963. Ông cho rằng tuy Hoa Kỳ mạnh hơn “các thế lực đế quốc” khác, nhưng không phải là bất khả bại. Nỗi sợ hãi Hoa Kỳ và sợ hãi một cuộc chiến tranh hạt nhân, theo Nguyễn Chí Thanh, chỉ dẫn tới “chủ nghĩa đầu hàng” trước “đế quốc Mỹ”. Ngoài ra ông cũng phê phán việc áp dụng thuyết chung sống hòa bình vào Việt Nam, tức là ý nghĩ cho rằng vấn đề thống nhất đất nước sẽ tự nó được giải quyết khi miền Bắc phát triển về kinh tế mạnh hơn miền Nam. Những lời phê phán không che đậy này không chỉ hướng đến Minh Tranh mà đến cả toàn bộ phe chủ hòa, muốn xây dựng miền Bắc trước hết. Lời

cáo buộc về “chủ nghĩa xét lại” đã nằm lơ lửng trong không khí.

Minh Tranh sau đó mất chức giám đốc nhà xuất bản và bị giao cho giữ một chức vụ nhỏ ở Nam Định 12 năm. Ông là một trong những nạn nhân đầu tiên của “Vụ án Xét lại chống Đảng”.

Cũng trong mùa hè 1963, theo một báo cáo dài của Đại sứ quán Đông Đức, “các phần tử theo Liên xô” trong Đảng Lao Động bị cô lập có hệ thống. Thậm chí Võ Nguyên Giáp, theo thông tin của nhiều nguồn, cũng bị quản thúc tại gia. Lê Duẩn gây áp lực với Hồ Chí Minh rằng ông hoặc là đi cùng với Bộ Chính Trị hoặc là bước ra khỏi đó⁸. Theo Bibow, đại diện cho sứ quán Đông Đức tại Hà Nội, ngoài ra tin đồn còn được

⁸ Die Partei und der Krieg, Martin Großheim, trang 114-115

lan truyền đi trong giới đảng viên, rằng Hồ Chí Minh đã phạm phải hai sai lầm lớn, một lần năm 1945 khi ông bước vào thỏa hiệp với người Pháp và lần thứ nhì là năm 1954 khi chấp nhận Hiệp định Geneve chia đôi đất nước. Thật ra, giữa tình hình căng thẳng lúc đó, những tin đồn này chỉ là công cụ tuyên truyền gây áp lực để lên án mọi chiến lược chủ hòa là “phản bội cách mạng”.

Đầu tháng 9, báo Nhân Dân đăng một bài viết của Lê Đức Thọ. Trong đó, ông yêu cầu tất cả các đảng viên phải tuyệt đối tuân theo đường lối của Đảng. Một số ít đảng viên mang tư tưởng hữu khuynh và “xét lại”, và vì vậy mà nghi ngại chiến lược thống nhất đất nước của Đảng. Họ cũng không đồng tình với tốc độ tập thể hóa nông nghiệp và tuyên truyền cho một sự hợp tác kinh tế trên

bình diện quốc tế thay vì một hệ thống kinh tế tự cung tự cấp được lãnh đạo Đảng ủng hộ. Một số đảng viên thiếu tính “kỷ luật Đảng”, lan truyền những quan điểm không phù hợp với các nghị quyết của Đảng. Lê Đức Thọ nhấn mạnh rằng Đảng sẽ đấu tranh không khoan nhượng chống lại các xu hướng phi vô sản, hữu khuynh, chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa xét lại hiện đại. Ông yêu cầu phê bình và “giáo dục” hay thi hành kỷ luật đối với những đảng viên không tuân theo các nghị quyết của Đảng.

Số tháng 10 của tờ Học Tập đăng một bài viết của Tướng Nguyễn Chí Thanh lên án ảnh hưởng của “chủ nghĩa xét lại hiện đại” trong Đảng. Cũng như Thọ, Thanh cho rằng một vài đảng viên vẫn còn ủng hộ những ý tưởng “hữu khuynh”. Ông cũng phê phán các đảng viên

mang tư tưởng “cá nhân”, “bì quan”, e ngại những hy sinh và gian khổ của một cuộc đấu tranh vũ trang nhằm thống nhất đất nước và yêu cầu phải đẩy mạnh cuộc đấu tranh tư tưởng trong Đảng.

Với cuộc “đấu tranh tư tưởng” này, phe Lê Duẩn-Lê Đức Thọ muốn tấn công cả những người không đồng tình với chiến lược dùng vũ lực thống nhất đất nước lẫn những người bất đồng ý kiến với họ trong chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Đại sứ quán các nước Đông Âu ở Hà Nội đều không hài lòng với thái độ càng lúc càng hướng đến hệ tư tưởng Trung Quốc của giới lãnh đạo miền Bắc. Theo thông tin của Mieczylaw Maneli, thành viên Ba Lan trong Ủy ban Kiểm soát Quốc tế, tinh thần chung trong giới ngoại giao Đông Âu ở Hà Nội là giới lãnh đạo

miền Bắc nên tập trung phát triển hòa bình đất nước trước đã và họ thấy không cần thiết phải gia tốc giải pháp dùng vũ lực để thống nhất đất nước. Cả thông tin viên Fourniau của tờ Humanité cũng tường thuật rằng nhiều người ngoại quốc ở miền Bắc e ngại việc leo thang chiến tranh ở miền Nam sẽ gây nguy hiểm cho nền hòa bình thế giới và vì vậy mà nên hướng tới một giải pháp “hòa bình thỏa hiệp” thì hơn⁹. Đại sứ quán Đông Đức ở Hà Nội và Bộ Ngoại giao Đông Đức trong thời gian này cũng đã nhiều lần phê phán giới lãnh đạo Đảng Lao Động đã không hề cân nhắc đến một giải pháp hòa bình cho việc thống nhất đất nước.

Trong tình hình căng thẳng đó, Dương Bạch Mai đưa cho Đại sứ quán Đông Đức tại Hà Nội một danh sách bí

9 Die Partei und der Krieg, Martin Großheim, trang 119.

mật mà theo Bibow, bí thư thứ hai của sứ quán, thì đó là những người “ủng hộ một đường lối Mác-xít Lê-nin-nít thật sự”. Sứ quán các nước Đông Âu khác ở Hà Nội cũng biết danh sách này. Đây cũng là một dấu hiệu cho thấy việc đấu tranh giữa hai phe trong Đảng đã thêm phần gay gắt trước Hội nghị Trung ương lần thứ 9. Danh sách này gồm 19 tên: Bùi Công Trùng, phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước, Viện trưởng Viện Kinh tế học; Lê Liêm, thứ trưởng Bộ Văn hóa, Chủ nhiệm Văn phòng Văn hóa Giáo dục Phủ Thủ tướng, chủ nhiệm chính trị mặt trận Điện Biên Phủ; Ung Văn Khiêm, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ (trước đó là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao), Tướng Võ Nguyên Giáp, Ủy viên Bộ Chính trị và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; Vũ Đình Huỳnh, thư ký của Hồ Chí Minh, trưởng ban Nghi lễ Bộ

Ngoại giao; Tạ Quang Bửu và Nguyễn Khánh Toàn, cả hai đều là phó chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước. Tạ Quang Bửu đã từng học đại học ở Pháp và Anh, sau đó là bộ trưởng đầu tiên của Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp. Nguyễn Khánh Toàn học đại học ở Moscow (1928 đến 1931), quen biết Hồ Chí Minh ngay từ thời kỳ đầu của phong trào cộng sản ở Việt Nam. Tiếp theo đó là Nguyễn Đình Thi, nhà thơ và là tổng thư ký Hội Nhà văn; Lưu Trọng Lư, cũng là nhà văn và thành viên Ban Chấp hành Hội Nhà Văn, Minh Chi giảng dạy ở trường Đại học Kinh tế Tài chính Hà Nội, một trong những người thường xuyên trao đổi với thông tin viên Đông Đức Pommerening. Sau đó là một loạt thẩm phán như Nguyễn Văn Trạch, Diệp Ba và Phạm Văn Bạch và một vài bộ trưởng, thứ trưởng như Nguyễn Đức

Quý, thứ trưởng Bộ Văn hóa, Nguyễn Văn Tạo, Bộ trưởng Bộ Lao Động, Trần Hữu Dực, Chủ nhiệm Văn phòng Nông nghiệp Phủ Thủ Tướng và Song Hào, thứ trưởng Bộ Quốc phòng.

Những người trong danh sách này không cùng thuộc trong một “nhóm đối lập” chống lại phe Lê Duẩn – Lê Đức Thọ. Thế nhưng có thể nhìn thấy sự phản kháng tập trung trong quân đội quanh Tướng Võ Nguyên Giáp, trong nhóm giới trí thức và trong giới đảng viên lão thành đã học cùng với Dương Bạch Mai ở Moscow.

Không rõ tại sao Dương Bạch Mai lại ghi tên Nguyễn Đình Thi và Song Hào vào danh sách này. Nguyễn Đình Thi đã đóng một vai trò quan trọng bên cạnh Tố Hữu trong chiến dịch chống “Nhóm Nhân văn Giai phẩm”. Song Hào từ năm

1967 sẽ là thành viên của ủy ban xem xét “Vụ án xét lại chống Đảng”.

Việc trao ra những thông tin nhạy cảm như vậy cho Đại sứ quán Đông Đức tại Hà Nội cho thấy cuộc đấu tranh giữa hai phe phái đã leo thang cao, cái sẽ bùng nổ ra trong Hội nghị Trung ương của Đảng Lao Động vào cuối năm 1963.

Hội nghị Trung ương lần thứ 9

Ngay trước khi Hội nghị Trung ương lần thứ 9 bắt đầu vào ngày 22 tháng 11 năm 1963, độ chừng 50 cán bộ trung cấp đã gửi thư về Trung ương Đảng, yêu cầu giữ đường lối trung dung giữa Liên Xô và Trung Quốc và không tiếp tục nghiêng sang quan điểm của Bắc Kinh. Theo thông tin của Đại sứ quán Đông Đức và của thông tấn xã Đông Đức ADN tại Hà Nội, những yêu cầu xuất phát từ các cán

bộ như Đặng Thái Mai, Tạ Quang Bửu, Bùi Công Trừng, Hoàng Minh Chính, Ung Văn Khiêm. Ngoại trừ Hoàng Minh Chính, tất cả những người còn lại đều có tên trên danh sách của Dương Bạch Mai.

Kéo dài cho tới tháng 1 năm 1964, Hội nghị Trung ương lần này đã chứng kiến những tranh cãi gay gắt giữa hai phe. Bùi Công Trừng phát biểu chống các quan điểm “theo Trung Quốc” và phê phán thái độ quay lưng lại với Liên Xô hùng hồn cho tới mức cả Hồ Chí Minh cũng không thể ngăn không cho ông nói tiếp. Tạ Quang Bửu dọa sẽ từ bỏ tất cả các chức vụ của ông và trở về làm giáo sư giảng dạy đại học bình thường nếu như giới lãnh đạo Đảng quay sang phía Trung Quốc. Lê Liêm, Ung Văn Khiêm tại đại hội là những người chống “đường lối theo Trung Quốc” kịch liệt nhất.

Theo nhiều nguồn, Hồ Chí Minh đã bị bộ ba Lê Duẩn, Lê Đức Thọ và Nguyễn Chí Thanh đẩy ra rìa và không còn đóng một vai trò quyết định nào nữa tại hội nghị này. Số phận của Tướng Võ Nguyên Giáp cũng tương tự. Nhưng đặc trưng cho tính cách cá nhân của Giáp là việc ông không công khai chống lại đường lối chủ chiến của Lê Duẩn trong những khoảnh khắc quyết định và cũng không đứng ra che chở cho những người cộng sự thân cận như Lê Liêm, những người mà sau này sẽ phải trả giá đắt cho sự phê phán của họ.

Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 9 cho thấy rõ rằng Đảng Cộng sản Việt Nam đã đi theo đường lối của Trung Quốc. Nghị quyết, tương tự như trong bài diễn văn của Lê Duẩn, lên án rằng “Chủ nghĩa Xét lại” đã phản bội

Chủ nghĩa Mác-Lênin và tuyên truyền cho mô hình chung sống hòa bình thay vì hỗ trợ cho cuộc đấu tranh cách mạng chống Chủ nghĩa Đế quốc. Nghị quyết nhấn mạnh rằng một vài cán bộ đã mang quan điểm xét lại và vì vậy mà chống lại những biện pháp nhất định nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chống lại những nỗ lực đấu tranh thống nhất đất nước và yêu cầu phải “giáo dục có hệ thống” các cán bộ và đảng viên về chủ nghĩa Mác-Lênin.

Trong một nghị quyết bí mật, Hội nghị Trung ương lần thứ 9 quyết định tăng tốc cuộc đấu tranh ở miền Nam bằng cách đẩy mạnh sự trợ giúp về quân sự cho Mặt trận Giải phóng. Giới lãnh đạo Đảng cuối cùng đã quyết định chọn con đường quân sự để thống nhất đất nước.

Chiến dịch chống “Chủ nghĩa Xét lại hiện đại” năm 1964

Đầu năm 1964, Đại sứ quán Đông Đức tại Hà Nội báo cáo về nước rằng Đảng Cộng sản Việt Nam đang khởi động “một chiến dịch tư tưởng hệ nhằm đe dọa các lực lượng Mácxít-Leninít và để vượt qua sự chống đối của họ”¹⁰. Lê Đức Thọ viết một loạt bài trên báo Nhân Dân nhằm phát động chiến dịch và tạo áp lực lên các đối thủ trong Đảng. Lê Đức Thọ phê phán không những phê phán thái độ nghi ngại của một vài cán bộ đối với chiến lược dùng vũ lực thống nhất đất nước mà cả việc họ không đồng ý tăng cường đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Lê Đức Thọ công khai thừa nhận một nhóm nhỏ đảng viên không đi theo đường lối

10 Báo cáo của Đại sứ quán Đông Đức tại Hà Nội. Trích dẫn theo Martin Großheim, *Die Partei und der Krieg*, trang 132.

của Đảng, thông báo sẽ có những biện pháp chống lại các “xu hướng xét lại” và “khuyh hữu” và yêu cầu chấm dứt những “hành động bè phái, chia rẽ.

Chiến dịch chống Chủ nghĩa Xét lại có ảnh hưởng rất lớn lên bầu không khí chính trị ở miền Bắc suốt cả năm 1964 và kéo dài sang cả năm 1965. Nhiều bài báo của Phạm Hùng và Hoàng Văn Thái nhấn mạnh rằng miền Bắc phải tự lực là chính trong công cuộc đấu tranh của mình. Các yếu tố vật chất không phải là yếu tố quyết định mà con người mới là yếu tố quyết định. Nhiều bài báo cảnh cáo không nên nghĩ rằng có thể thống nhất đất nước bằng giải pháp hòa bình.

Minh Tranh, Giám đốc nhà xuất bản Sự Thật đã bị cô lập dần ngay từ năm 1963 sau bài viết của ông hồi tháng 2 năm 1963 và bị “đày” về Nam Định.

Nguyễn Kiến Giang, Phó Giám đốc nhà xuất bản, đang học trường Đảng ở Moscow từ 1962 cũng bị gọi về nước sau Hội nghị Trung ương 9 như tất cả các cán bộ ở Đông Âu khác. Từ 1964 cho tới năm 1967, ông bị bắt đi “thực tế” ở Thái Bình và Quảng Bình.

Văn Doãn, tổng biên tập báo Quân Đội Nhân Dân, vào thời điểm Hội nghị 9 đang học ở trường Đảng Liên xô, khi bị gọi trở về Hà Nội đầu năm 1964 đã xin ở lại tỵ nạn chính trị tại Liên Xô cùng với Lê Vinh Quốc, nguyên phó chính ủy Đại đoàn 308 và Nguyễn Minh Cần, thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Hà Nội. Trước đó, tờ Quân Đội Nhân Dân đã bị Tổng cục Chính trị Quân đội gọi là “lô cốt của chủ nghĩa xét lại hiện đại”. Phần lớn nhân viên của tờ báo không đồng tình với các nghị quyết của Hội nghị Trung

ương 9, nhưng chỉ dám phát biểu hết sức cẩn trọng. Sau khi Văn Doãn xin tỵ nạn chính trị ở Liên xô, Tổng cục Chính trị giao cho Bùi Tín khám xét lại nội dung những bài báo của tờ Quân Đội Nhân Dân trong vòng mấy năm qua. Tuy Bùi Tín không phát hiện ra vi phạm nghiêm trọng nào, nhưng thật ra đây chỉ là một cái cớ để thanh lọc các “phần tử xét lại” ra khỏi tòa soạn báo Quân Đội Nhân Dân. Ví dụ như Đào Duy Dĩnh tức Đào Phan, em trai của Đào Duy Anh, bị đẩy sang Viện Bảo tàng Quân đội. Đào Duy Dĩnh đã phê bình công khai các nghị quyết của Hội nghị Trung ương 9 và cố gắng chứng minh rằng chúng không phù hợp với Chủ nghĩa Marx-Lênin.

Chiến dịch thanh lọc này cũng nhắm tới Ủy ban Khoa học Nhà nước. Đầu tiên, Lê Duy Vân, một cán bộ của

Ban Tổ chức Trung ương trực thuộc Lê Đức Thọ, được cử làm bí thư Đảng ủy. Bùi Công Trùng và Hoàng Minh Chính bị cô lập. Không một ai dám nói chuyện với họ vì sợ liên lụy.

Trong các khóa học tập được tổ chức sau Hội nghị Trung ương lần thứ 9, Liên bang Xô viết bị đả kích trực tiếp. Truyền thanh cũng được sử dụng để phát đi tuyên truyền của Trung Quốc, chửi rủa “những tên xét lại” là “những kẻ theo chủ nghĩa đầu hàng”.

Trao đổi văn hóa với Liên xô bị cắt giảm. Thậm chí các khóa dạy tiếng Nga cũng bị giải tán. Những người Việt nào tiếp xúc với người ngoại quốc và giới ngoại giao từ những nước Đông Âu đều có thể bị xếp vào “thành phần xét lại”. Cán bộ làm việc trong các cơ quan nhà nước nhận được chỉ thị tránh tiếp xúc

với người nước ngoài và phải báo cáo với cơ quan khi có trao đổi thư từ với người nước ngoài, đặc biệt là với công dân Liên bang Xô viết. Bây giờ, khi muốn vào văn phòng của các thông tấn xã nước ngoài, người ta phải cần đến một giấy giới thiệu.

Franz Farber, người năm 1954 là nhà báo Đức đầu tiên sang thăm miền Bắc theo lời mời của Hồ Chí Minh, khi sang thay thế thông tin viên Đông Đức Pommerening năm 1964 đã nhận rõ được bầu không khí căng thẳng lúc đó:

“...chúng tôi trong con mắt của Đảng và chính phủ ít nhất là những người nước ngoài gây phiền toái [...]. Và ngoài ra thì cho tới nay vẫn còn chưa có người Việt nào bước vào ngôi nhà của ADN mà không có giấy phép. Ai cũng sợ người khác. Không còn ai dám tiếp xúc

cá nhân với người nước ngoài nữa.”¹¹

Những người nước ngoài trước đây đào ngũ chạy sang với Việt Minh như Georges Boudarel, Erwin Borchers và Albert Clavier đều bị xếp vào hàng “xét lại”. Nhân viên ngoại giao nước ngoài bị tăng cường kiểm soát và bị hạn chế đi lại.

Tình hình căng thẳng này kéo dài cho tới khi Khrushchev bị lật đổ.

11 Trích dẫn theo Martin Großheim, Die Partei und der Krieg, trang 145.

Hòa hoãn với Liên Xô



Khrushchev

Tháng 10 năm 1964, Hà Nội nhẹ nhõm khi Khrushchev bị lật đổ, Brezhnev nắm lấy chức vụ bí thư thứ nhất. Khrushchev, bị Hà Nội gọi bằng “thằng đầu trọc”, đã trở thành tên xấu xa trong

thời của chiến dịch chống chủ nghĩa xét lại. Vì chính sách chung sống hòa bình của ông mà hàng chục năm sau này Khrushchev vẫn còn bị nhiều lãnh đạo chính trị Việt Nam như Tố Hữu căm ghét không che giấu.

Nhưng còn quan trọng hơn lần lật đổ Khrushchev là tình hình chiến tranh leo thang ở Việt Nam. Tháng 3 năm 1965, tổng thống Hoa Kỳ Johnson tiến hành chiến tranh ném bom miền Bắc có hệ thống và đồng thời với cuộc chiến tranh ném bom, những đơn vị đầu tiên của quân đội mặt đất Hoa Kỳ đổ bộ lên bãi biển Đà Nẵng. Giới lãnh đạo Bắc Việt Nam bây giờ nhận ra rằng họ cần phải dựa vào sự giúp đỡ của Liên Xô để nhận được vũ khí tối tân.

Về phía mình, cùng với lần tham chiến trực tiếp của Hoa Kỳ ở Việt Nam,

giới lãnh đạo mới của Liên bang Xô viết nhận ra rằng họ không còn có thể đứng ngoài cuộc xung đột này được nữa. Một mặt họ trợ giúp về quân sự và kinh tế cho miền Bắc, mặt khác họ ủng hộ những giải pháp đàm phán để không bị lôi kéo sâu thêm nữa vào trong cuộc xung đột này và không phải từ bỏ chính sách giảm căng thẳng với Phương Tây.

Giới lãnh đạo miền Bắc đối phó với sự tham chiến trực tiếp của Hoa Kỳ bằng một chiến lược hiếu chiến. Tướng Nguyễn Chí Thanh, lãnh đạo Trung Ương cục miền Nam, bảo vệ quan điểm cho rằng quân đội miền Bắc và quân Giải Phóng nhờ vào tinh thần chiến đấu cao mà có thể đối đầu được với quân đội Hoa Kỳ. Một quan điểm cũng được Lê Duẩn ủng hộ. Vì vậy, tướng Thanh tiến hành một chiến lược đối đầu trực tiếp

mang lại nhiều tổn thất. Theo thông tin chính thức của Hoa Kỳ, cho tới cuối năm 1967 đã có tới 220.000 quân đối phương tử trận.

Chiến lược này của Lê Duẩn và Nguyễn Chí Thanh đã bị phê phán ngay từ cuối năm 1965, đặc biệt là từ những phe nhóm nghiêng về phía Liên Xô, những người mà bây giờ dám cất tiếng nói trở lại nhờ vào không khí cởi mở hơn đối với Liên Xô. Ví dụ như nhân viên của thông tấn xã Đông Đức, Erwin Borchers, đã tường thuật lại những cuộc trao đổi với Nguyễn Khánh Toàn, Lê Liêm, Phạm Viết, cũng như Vũ Đình Huỳnh. Trong một cuộc trao đổi với ông ấy, Nguyễn Khánh Toàn đã thừa nhận rằng miền Bắc đã đánh giá sai lầm sức chiến đấu của Hoa Kỳ. “Chúng tôi đã máy móc đặt người Mỹ ngang với người

Pháp, những người mà chúng tôi đã đánh bại họ, mà không nhìn thấy rằng người Mỹ có sức mạnh kinh tế và quân sự lớn hơn người Pháp rất nhiều.”¹² Cũng theo Erwin Borchers, bên cạnh sự hào hứng với chiến tranh tại phần lớn giới trẻ cũng đã có những tiếng nói hoài nghi như của một người láng giềng: “... Tôi không hiểu tại sao người ta xây dựng mười năm trời và rồi lại đi tới chiến tranh.”¹³

Phe “chủ hòa” ở Hà Nội, gồm những cán bộ như Lê Liêm, được Liên Xô ủng hộ vì nước này không muốn gây nguy hiểm đến chính sách giảm căng thẳng với Phương Tây, tuy là họ vẫn viện trợ quân sự cho Hà Nội.

Phe “chủ chiến”, những người muốn tiếp tục tiến hành cuộc chiến và từ chối

12 Báo cáo của Đại sứ quán Đông Đức tại Hà Nội. Trích dẫn theo Martin Großheim, *Die Partei und der Krieg*, trang 196.

13 như trên

đàm phán, ngược lại nhận được sự hỗ trợ từ Bắc Kinh. Phạm Viêt, biên tập viên của tờ báo Thời Mới từng thuật cho Erwin Borchers năm 1965 về một chuyến viếng thăm của Hồ Chí Minh ở Bắc Kinh mà trong đó phía Trung Quốc cương quyết từ chối mọi đàm phán với Hoa Kỳ.

Tháng 2 năm 1966, Lê Đức Thọ trong một bài xã luận trên tờ báo Đảng đã nói về “một số ít các đồng chí” có “những quan điểm sai lầm và lệch lạc”. Tháng 7 năm 1966 tướng Nguyễn Chí Thanh viết một bài báo đăng trên tờ Học Tập. Trong bài báo này ông bảo vệ chiến lược tấn công của mình và cảnh cáo không nên đánh giá quá cao sức mạnh của kẻ địch, phê phán “những phương pháp phân tích máy móc”, “hữu khuynh”. Ngoài ra ông còn phê phán “cách đánh giá trừu tượng sức chiến đấu của quân lính Mỹ”,

cái không xem xét đến yếu tố của “cuộc đấu tranh chính trị” và trước hết là chỉ nhìn tới quân số của các lực lượng Mỹ ở miền Nam. Lời phê bình này của Thanh chĩa mũi dùi vào đối thủ cạnh tranh của ông là Võ Nguyên Giáp vì Tướng Giáp ủng hộ một chiến lược chống quân đội Mỹ cẩn trọng hơn để tránh phung phí “nguồn nhân lực và kỹ thuật”.

Nhưng cả bài báo này của Nguyễn Chí Thanh cũng không dập tắt được những thảo luận về đường lối tiến hành chiến tranh của ông ấy và về những khả năng của một giải pháp đàm phán. Liên bang Xô viết, thời gian sau này đã trở thành nước viện trợ quân sự nhiều nhất cho miền Bắc, cố gắng dùng điều đó để gây ảnh hưởng lên chính trị. Đại sứ quán Liên Xô tại Hà Nội cố gắng thúc giục giới lãnh đạo miền Bắc đi đến một

giải pháp đàm phán, tăng cường tiếp xúc với những người mà họ cho rằng nghiêng về phía Xô viết. Cuối năm 1966, Đại sứ quán nước CHDC Đức và thông tin viên của thông tấn xã Đông Đức Klaus Anton cũng xác nhận rằng phe “hòa hoãn” và “thân Liên Xô” đang tăng thanh thế.

Đây cũng là một phản ứng trước sức ép của Trung Quốc, yêu cầu Hà Nội không đàm phán với Hoa Kỳ và cố gắng mang Cách mạng Văn hóa vào miền Bắc.

Mặc dù tình hình đối nội ở Bắc Việt Nam đã giảm căng thẳng và các quan hệ của Hà Nội với Liên bang Xô viết và các quốc gia xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu khác đã được cải thiện nhưng giới lãnh đạo Hà Nội vẫn không hoàn toàn cởi mở với Liên Xô và không đưa cho họ nhiều thông minh quan trọng về diễn tiến của cuộc chiến, về các mối quan hệ với Trung

Quốc và về tình hình đối nội. Nhân viên của đại sứ quán Liên Xô ở Hà Nội và các nhà ngoại giao của nước cộng hòa Dân chủ Đức bị các cơ quan an ninh của Việt Nam giám sát để ngăn chặn không cho họ tiếp xúc với người Việt. Bên phía Việt Nam, những người bị xem là “xét lại” cũng bị an ninh theo dõi, ví dụ như Trần Thu, Hoàng Thế Dũng, báo hiệu trước những gì sẽ xảy ra trong năm 1967.

Chiến tranh leo thang và vai trò của Trung Quốc

Bước sang năm 1967 chiến tranh leo thang cả ở miền Bắc với những cuộc ném bom được tăng cường lần ở miền Nam với những trận đánh gây nhiều tổn thất.

Ở miền Bắc, cộng thêm vào với sự tàn phá qua chiến tranh ném bom của

người Mỹ là những khó khăn trong cung cấp lương thực thực phẩm. Trong một cuộc trao đổi với đại sứ quán nước Cộng hòa Dân chủ Đức trong tháng 4 năm 1967 Bộ trưởng Bộ Nội vụ Ung Văn Kh-iêm đã tường thuật lại các ấn tượng của ông qua một chuyến đi thăm đất nước:

“Hậu quả thật đáng sợ, không thể tưởng tượng được... Người dân đã làm được những việc không thể tưởng tượng được. Nhưng cả ở đây cũng có ranh giới của nó: Tất cả mọi người đã chuyển sang ăn không có thịt. Hơn 3 triệu người chỉ có thể ăn mỗi ngày một bữa.”¹⁴

Việc cung cấp lương thực thực phẩm lại càng gặp thêm nhiều khó khăn vì thu hoạch vụ mùa năm 1966 rất kém, cung cấp từ Liên Xô và Trung Quốc thì bị cản

14 Báo cáo của Đại sứ quán Đông Đức tại Hà Nội. Trích dẫn theo Martin Großheim, *Die Partei und der Krieg*, trang 206.

trở bởi những hỗn loạn của cuộc Cách mạng Văn hoá. Cuộc di tản người dân thành phố về nông thôn vì chiến tranh ném bom của người Mỹ cũng càng lúc càng khó khăn hơn.



Khu dân cư tại Hà Nội cho thấy
những ngôi nhà bị phá hủy
bởi các vụ không kích.

Trước bối cảnh đó, bầu không khí chính trị ở Bắc Việt Nam bắt đầu nóng lên từ đầu năm 1967, một phần cũng từ

những nỗ lực của Đại sứ quán Trung Quốc ở Hà Nội nhằm mang cuộc Cách mạng Văn hóa sang Bắc Việt Nam. Nhân viên của thông tấn xã Đông Đức ADN tường thuật trong tháng 2 năm 1967 rằng sinh viên Trung Quốc đã quây phá trước đại sứ quán Liên Xô ở Hà Nội. Công an Việt Nam bắt buộc phải can thiệp và dựng rào cản không cho tiếp cận đến cả hai đại sứ quán. Ngoài ra Công an Hà Nội còn tịch thu các tài liệu tuyên truyền mà công dân Việt Nam đã nhận được từ đại sứ quán Trung Quốc và cố gắng ngăn chặn không cho sứ quán Trung Quốc phát tán văn học Trung Hoa.

Đồng thời Trung Quốc cũng dựa vào lực lượng 240.000 lính của họ ở các tỉnh phía Bắc để gây áp lực lên Hà Nội và quảng bá cho cuộc Cách mạng Văn hóa. Vào giữa tháng hai của năm đó, một

số lớn Hồng Vệ Binh từ Trung Quốc cái trang thành những nhóm lính xây dựng hành quân qua biên giới sang Lào Cai và tổ chức nhiều cuộc mít tinh lớn, dán nhiều “đại bích báo” khắp thành phố mà trên đó có những câu khẩu hiệu như “Mọi đàm phán đều là một sự phản bội dân tộc Việt Nam”. Sau khi thành phố Lào Cai can thiệp, các Hồng Vệ Binh, người nào cũng đều đeo một bức chân dung thật to của Mao ở trên lưng, lại đi trở về Trung Quốc.

Theo thông tin của đại sứ quán Đông Đức tại Hà Nội, người Trung Quốc phát truyền đơn ở Bắc Việt Nam loan tin rằng Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Võ Nguyên Giáp có kế hoạch đảo chính lật đổ Hồ Chí Minh. Đài phát thanh Quảng Châu và các tờ báo tường ở Nam Trung Quốc

cũng nhắc lại những cáo buộc chống tướng Giáp tương tự như thế. Trong đó, Giáp “theo Liên Xô” đã bị gọi là “tên xét lại hàng đầu”. Theo ghi nhận của Đại sứ quán Đông Đức ở Bắc Kinh, trong những tài liệu nội bộ của Trung Quốc từ năm 1967 người ta đã quả quyết rằng đảng Lao Động bị chia rẽ ra thành hai nhóm mà trong đó “phe xét lại có lúc đã chiếm ưu thế”. Thông tin này được lan truyền trong tỉnh Quảng Tây nhiều cho tới mức Tổng lãnh sự của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại đó phải trình một thư phản đối.

Mặt khác, sự hỗn loạn của cuộc Cách mạng Văn hóa đã có ảnh hưởng xấu đến việc chuyên chở các thiết bị quân sự từ Liên Xô qua lãnh thổ Trung Quốc sang Việt Nam. Hồ Chí Minh và những người

khác đã nhiều lần đề cập đến việc này tại các cuộc gặp gỡ với lãnh đạo Trung Quốc.

Tình hình ở Trung Quốc, cố gắng xuất khẩu Cách mạng Văn hóa sang Việt Nam của giới lãnh đạo Trung Quốc cũng như tình hình quân sự bất phân thắng bại nhưng lại đẫm máu trong miền Nam đã gây ra nhiều cuộc thảo luận căng thẳng trong Đảng Cộng sản. Một bên là phe chủ hoà, được Liên bang Xô viết ủng hộ, kêu gọi thương lượng với Hoa Kỳ. Một bên là phe chủ chiến, dưới ảnh hưởng của Trung Quốc không những muốn duy trì chiến lược tấn công mà còn kêu gọi chủ động tiến hành một cuộc tổng tiến công để phá vỡ tình hình trì trệ trên chiến trường miền Nam.

Bắt đầu từ tháng 5 năm 1967 có

những dấu hiệu cho thấy rằng tại những cuộc thảo luận trong giới lãnh đạo Bắc Việt, phe chủ chiến đã bắt đầu thắng thế. Trong mùa hè năm 1967, Hà Nội bắt đầu có những kế hoạch cụ thể cho một cuộc tổng tiến công quân sự lớn ở miền Nam, cái cuối cùng đã bắt đầu vào ngày 30 tháng 1 năm 1968: Tết Mậu Thân.

Kế hoạch mới này được bàn thảo tại cuộc họp ngày 18 và 19 tháng 7 năm 1967 của Bộ Chính trị. Trong cuộc họp này, Võ Nguyên Giáp vẫn tiếp tục phản đối ý định tổng tấn công về quân sự và đã bị Lê Duẩn cáo buộc là “sợ Mỹ”. Hồ Chí Minh thì gọi kế hoạch đó là “chủ quan” tức có nghĩa là không thực tế. Mặc cho những phản đối của Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp, kế hoạch này vẫn được tiếp tục phát triển. Tình hình an ninh được siết chặt qua nhiều đợt bắt bớ.

Những đợt thanh trừng bắt bớ năm 1967

Vào ngày 27 tháng 7 Hoàng Minh Chính bị bắt cùng với Hoàng Thế Dũng (phó tổng biên tập trước đây của báo Quân Đội Nhân Dân), Phạm Viết (phó tổng biên tập báo Thời Mới) và Trần Châu (biên tập viên báo Nhân Dân). Đợt thứ hai diễn ra vào 18/10 năm 1967. Phần lớn những người bị bắt đều là những người thân cận với Võ Nguyên Giáp như Đặng Kim Giang, Lê Liêm, Lê Trọng Nghĩa. Ngoài ra, Vũ Đình Huỳnh và Nguyễn Kiến Giang cũng bị bắt.

Trong một bản báo cáo nội bộ vào giữa tháng 12 năm 1967 Lê Đức Thọ cáo buộc Đặng Kim Giang, Hoàng Minh Chính, Vũ Đình Huỳnh, Trần Minh Việt và Phạm Kỳ Vân đã phạm tội “phản quốc” và cố “gây chia rẽ giữa đảng và quân đội”.

Một điệp viên Bắc Việt người nam 1969 bỏ ngũ chạy sang miền Nam đã xác nhận lời tố cáo phản quốc này. Theo thông tin của ông, ngay trong năm 1967, một uỷ ban đã được thiết lập bao gồm chính Lê Đức Thọ, Trần Quốc Hoàn, Song Hào và Lê Văn Lương nhằm tiến hành điều tra vụ việc mà bây giờ có tên gọi chính thức là “Vụ án xét lại chống đảng”.

Trong lúc đó, ngày 25 tháng 12 năm 1967 và những ngày tiếp theo sau, một loạt đảng viên và người ngoài Đảng tiếp tục bị bắt, theo một nguồn là từ 200 đến 300 người. Trong số những người bị bắt của đợt cuối cùng và lớn nhất này tiếp tục có những người cộng tác với tướng Giáp như Lê Minh Nghĩa và Đỗ Đức Kiên, một loạt ký giả như Phạm Kỳ Vân trước là phó tổng biên tập của tờ Học

Tập, Đinh Chân, Trần Thư, Mai Luân, Mai Hiến và Đặng Đình Cẩn (báo Quân đội Nhân dân), Lưu Động (báo Nhân Dân), Trần Minh Việt phó bí thư đảng ủy Hà Nội và phó biên tập của báo Hà Nội Mới. Ngoài ra Nguyễn Gia Lộc và Phùng Văn Mỹ làm việc cho Viện Triết học cũng bị bắt. Cả những người như Bùi Công Trừng, từng là giám đốc Viện Kinh tế, cũng bị bắt. Cho tới tháng tư năm 1967, ông Trừng còn được một nhà ngoại giao Xô viết xem là một “nhà kinh tế học có tầm nhìn xa”. Tướng Nguyễn Văn Vịnh, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm chủ tịch Ủy ban Thống nhất Trung ương cũng như cựu bộ trưởng bộ ngoại giao Ung Văn khiêm cũng chịu cùng số phận. [Xem thêm danh sách những người bị bắt trong bài “Hoàng Minh Chính. Từ nhà tù Sơn La đến trại giam B14 Hà Nội”: <https://phanba.wordpress>.

com/2017/11/11/hoang-minh-chinh-tu-nha-tu-son-la-den-trai-giam-b14-ha-noi/]

Trần Đình và Chính Yên tuy không bị đi tù nhưng phải đi lao động cải tạo.

Lúc đầu những người này bị cáo buộc chung chung là phạm tội chống Đảng. Sau này họ mới bị cáo buộc một cách cụ thể là đã hợp tác với Liên bang Xô viết âm mưu lật đổ chính phủ.

Nguyên nhân Vụ án Xét lại chống Đảng

Ngay từ cuối năm 1967 Lê Đức Thọ đã lan truyền một thuyết âm mưu cho rằng Hoàng Minh Chính, Phạm Kim Giang, Phạm Viêt và những người khác đã tiết lộ bí mật quốc gia cho đại sứ quán Liên Xô tại Hà Nội và đã cùng với viên

đại sứ phát triển một kế hoạch nhằm lật đổ chính phủ. Theo đó, Phạm Việt đã tổ chức một cuộc gặp gỡ giữa tướng Đặng Kim Giang và viên thư ký Hồ Chí Minh với viên đại sứ Liên Xô. Trong cuộc gặp gỡ này, ba người Việt đã đề cập đến thái độ chống Liên Xô của một vài lãnh đạo của Đảng Lao Động. Ngoài ra, Hoàng Minh Chính bị cho rằng đã tiết lộ bí mật quốc gia cho viên đại sứ Liên Xô và thậm chí còn được hứa sẽ được tỵ nạn chính trị ở Liên Xô.

Thuyết âm mưu này được Lê Đức Thọ công khai trình bày lần đầu tiên tại một cuộc họp Trung ương Đảng trong tháng 1 năm 1972 và cho tới nay vẫn là cách giải thích chính thức của Đảng Cộng sản Việt Nam. Thế nhưng không có bằng chứng cho một kế hoạch cụ thể nhằm lật đổ chính phủ cũng như không

thể chứng minh được việc một nhóm người có tổ chức tồn tại dưới quyền của Hoàng Minh Chính, cùng với Đại sứ quán Liên Xô chuẩn bị cho một âm mưu nào đó.

Bắt đầu từ năm 1966 Liên bang Xô viết cố gắng gây ảnh hưởng lên giới lãnh đạo miền Bắc để họ thật sự cố gắng hướng tới một giải pháp đàm phán. Đồng thời, sau khi chiến dịch chống chủ nghĩa xét lại chấm dứt và sau khi các mối quan hệ giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu được cải thiện, những người tương đối hòa hoãn như Ung Văn Khiêm và Lê Liêm lại tích cực tìm cách tiếp xúc với các đại sứ quán Liên Xô, Đông Đức và các nhà báo nước ngoài. Năm 1967, khi nhóm lãnh đạo quanh Lê Duẩn quyết định tiến hành cuộc tổng tấn công ở miền Nam

thì những đợt bắt bớ này là một tín hiệu cho Liên Xô, hàm ý rằng sự giúp đỡ về quân sự và kinh tế của họ được hoan nghênh nhưng các cố gắng gây áp lực của họ nhằm đẩy nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đến bàn đàm phán với Hoa Kỳ thì không. Nó đồng thời cũng là một tín hiệu gửi cho Trung Quốc, nói rằng miền Bắc sẽ không nhân nhượng trước áp lực từ Moscow và cũng sẽ không dựa vào Liên Xô nhiều hơn nữa.

Sau này, sau khi Nguyễn Kiến Giang được trả tự do, chính Lê Đức Thọ cũng nói với ông ấy rằng mục đích của những cuộc bắt bớ này là để làm cho người Trung Quốc hiểu rõ miền Bắc vẫn tiếp tục chống chủ nghĩa xét lại không thay đổi, hay nói theo một cách khác là vẫn tiếp tục đi theo đường lối của Trung Quốc và tư tưởng của Mao Trạch Đông:

“Các cậu ở tù cũng là tham gia chống Mỹ cứu nước!”¹⁵

Trong “Tủ tù tự xử lý nội bộ”, Trần Thu cũng kể lại rằng ông bị quy tội làm gián điệp cho Liên xô chỉ vì gián tiếp thông qua một người bạn đã đề nghị Liên xô nên trao đổi với Sihanouk nhằm đưa viện trợ vào miền Nam qua cảng biển của Sihanoukville¹⁶.

Năm 1995, Nguyễn Trung Thành cựu vụ trưởng Vụ Bảo vệ Đảng cũng nói với Trần Đình rằng vụ án này “là đặt ra, dựng lên... chứ sự thật không có gì cả” và “các cụ ‘cần’ thấy các anh là một tổ chức chống Đảng”¹⁷.

15 Lời Ai Điều, Lê Phú Khải, chương “Chấm phá chân dung các nhà dân chủ”, NXB Người Việt Books

16 Tủ tù tự xử lý nội bộ, Trần Thu, chương 14

17 Đền Cù, Trần Đình, trang 347.

Các phân tích của đại sứ quán Đông Đức cũng dẫn đến kết luận rằng đợt bắt bớ năm 1967 là kết quả của một cuộc tranh giành quyền lực trong giới lãnh đạo ở miền Bắc và có liên kết chặt chẽ với cuộc tranh luận về việc tiếp tục tiến hành cuộc chiến như thế nào.

Giới lãnh đạo Đảng muốn vô hiệu hóa các phân tử hòa hoãn, những người không đồng ý với quyết định tổng tấn công ở miền Nam và đặc biệt là muốn ngăn trận trước không cho xảy ra một cuộc xung đột công khai như tại Hội nghị Trung ương lần thứ 9 của Đảng Lao Động vào cuối năm 1963, khi quyết định thống nhất đất nước bằng bạo lực vũ khí. Bộ máy an ninh của miền Bắc lợi dụng cơ hội này để vô hiệu hóa tất cả những người ngay từ đầu những năm 1960 đã không muốn tái thống nhất đất nước

bằng con đường quân sự cũng như phản đối việc dựa quá nhiều vào Trung Quốc về mặt tư tưởng hệ.

Trần Đình trong “Đèn Cù” cho rằng “...bắt đầu sợ Trung Quốc tanh bành vì Cách mạng Văn hoá, Hà Nội có cơ bị bỏ bơ vơ giữa ‘chợ’... chiến trường, Lê Duẩn đã nảy ý mau chóng giải phóng miền Nam bằng một cú đánh có tính quyết định hy vọng qua đó thoát sớm được cuộc đại hỗn loạn của đại hậu phương và thế là Duẩn xoá ngay kế hoạch của Võ Nguyên Giáp chỉ đánh Tây Nguyên lấy thanh thế rồi rút, biến ý đồ duy ý chí Tổng tiến công – Tổng nổi dậy Tết Mậu Thân thành mục tiêu chiến lược. Nhưng đánh mạnh thì có khả năng Mỹ nhả ra ngoài Bắc, vậy phải tính đến khả năng vờ đến quân chí nguyện Trung Quốc vốn luôn đóng trực ở biên giới – sẵn sàng

can thiệp theo thoả thuận từ đầu của cả hai bên. Muốn thế phải có thể chấp lớn nộp gấp Bắc Kinh. Vụ án xét lại ra đời! Tháng 2-1968 đánh, tháng 7-1967 bắt mở đầu tiên.”¹⁸

Vũ Thư Hiên và nhiều tác giả khác cho rằng đợt bắt bớ năm 1967 cũng nhắm tới tướng Võ Nguyên Giáp, và Lê Duẩn muốn lợi dụng chiến dịch thành từng ngày để để loại trừ một đối thủ của ông. Việc bắt Đặng Kim Giang một người thân cận của tướng Giáp từ cuộc chiến tranh chống Pháp, và một loạt những người cộng tác khác của ông ấy trong đợt thứ hai và đợt thứ ba cho thấy mục đích cũng là làm suy yếu vị trí của Tướng Giáp trong giai đoạn mang tính quyết định này. Bản thân Tướng Giáp đã sang Hungary từ tháng mười năm 1967,

18 Đền Cù, Trần Đình, Chương 27, trang 208

vắng có mặt trong thời gian của hai đợt bắt bớ đó.

Theo một vài ý kiến, không những Lê Duẩn mà cả vị thế của Lê Đức Thọ cũng được củng cố qua vụ án xét lại chống đảng. Vũ Thư Hiên cũng như người vợ goá của Vũ Đình Huỳnh là Phạm Thị Tề cáo buộc Lê Đức Thọ cũng muốn qua những vụ bắt bớ này mà loại trừ những nhân chứng có thể đưa ra thông tin về quá khứ của ông ta, đặc biệt trong thời gian ở nhà tù Sơn La đầu những năm 1940. Theo Vũ Thư Hiên, cha ông và Đặng Kim Giang đã ở tù chung một thời gian với Lê Đức Thọ tại Sơn La. Và trong thời gian Lê Đức Thọ nằm tại trạm xá y tế của tù thì một loạt bí mật của Đảng đã bị phơi bày ra ánh sáng. Bà Phạm Thị Tài cho rằng chồng bà đã biết quá nhiều về Lê Đức Thọ và những điều đó đã gây tai

họa cho ông ấy. Quả thật, bên cạnh Đặng Kim Giang và Vũ Đình Huỳnh, một loạt những người đã từng ở tù chung với Lê Đức Thọ tại Sơn La cũng bị bắt như Hoàng Minh Chính, Phạm Kỳ Vân và Lưu Động.

Tù đầy và sau đó

Những người bị bắt đầu tiên bị giam giữ trong Hỏa Lò, sau đó họ bị chuyển đi đến các trại tù khác. Không một người nào được đưa ra tòa xét xử. Hoàng Minh Chính lần đầu ở tù 6 năm rồi bị quản thúc tại gia. Lần thứ nhì (1981) ông bị giam giữ cho tới năm 1987 và lần thứ ba từ 1995 tới 1996, tổng cộng 12 năm tù giam và 8 năm quản thúc. Vũ Thư Hiên bị giam 9 năm liên tục trong nhiều nhà tù và trại tập trung. Đặng Kim Giang, Vũ Đình Huỳnh, Trần Minh Việt bị tù 6 năm. Phạm Kỳ Vân vào tù mấy năm

thì lâm trọng bệnh, được thả về với gia đình để chết ở nhà, đỡ tai tiếng. Kỳ Vân là đảng viên kỳ cựu từ thời 1936, xứ ủy viên Xứ ủy Bắc Kỳ.

Những người không bị bắt mà chỉ bị gọi lên tra hỏi cũng có một cuộc sống hết sức khó khăn. Ví dụ như nhà văn, nhà báo Lê Văn Dũng bắt đầu từ năm 1968 không còn được phép làm công việc trước đây của ông nữa mà phải kiếm sống bằng cách nuôi heo và làm những công việc khác. Những người khác kiếm tiền bằng cách đập xích lô. Nhà báo Văn Doãn phần uất tự tử năm 1972. Phó chủ tịch Quốc hội Dương Bạch Mai đột tử ngày 4-4-1964 tại cuộc họp Quốc Hội, mà dư luận cho là bị đầu độc.

Nhiều người đã ôm hận qua đời như: Đặng Kim Giang, Lê Liêm, Ung Văn Khiêm, Nguyễn Văn Vịnh, Trần Minh

Việt, Tuân Nguyễn, Vũ Huy Cường, Hoàng Thế Dũng.

Cảnh tù đầy được những người trong cuộc sau này mô tả lại trong các tác phẩm như “Chuyện kể năm 2000” của Bùi Ngọc Tấn, “Đêm giữa ban ngày” của Vũ Thư Hiên, “Một người tù xử lý nội bộ” của Trần Thu.

Đến những năm 1972, 1973 những người bị bắt dần dần được thả, nhưng không được phép trở về Hà Nội mà bị quản thúc tại gia ở nông thôn cho đến 1976, 1977. Là những “kẻ thù của Đảng” họ bị cô lập trong xã hội. Bắt đầu từ khoảng năm 1977 phần lớn nạn nhân của chiến dịch thanh trừng này được phép trở về Hà Nội nhưng vẫn còn bị an ninh giám sát.

Năm 1981, vài tháng trước đại hội lần thứ 5 của Đảng Cộng sản, Đặng Kim Giang và Hoàng Minh Chính đưa đơn yêu cầu chính thức xét lại vụ án của họ. Hai người lại bị bắt giam sau đó. Hoàng Minh Chính bị giam giữ cho đến năm 1987. Đặng Kim Giang lâm bệnh nặng trong tù năm 1983 và chết tại nhà trong cùng năm đó vì không được chữa trị.

Sau khi ra tù Hoàng Minh Chính tiếp tục viết nhiều lá thư mở yêu cầu xét xử lại vụ án này và phục hồi cho ông. Vào thời gian này, sau cái chết của Lê Đức Thọ, nhiều người khác cũng bắt đầu viết đơn thỉnh cầu gửi cho các ủy ban đảng và nhà nước.

Năm 1995 Nguyễn Trung Thành, cựu vụ trưởng Vụ Bảo vệ Đảng, người trực tiếp xem xét vụ án này và làm việc dưới quyền của Lê Đức Thọ cho tới khi về

hữu, trong một bức thư gửi cho với lãnh đạo đảng đã nói rằng các bằng chứng cáo buộc những người bị bắt trước kia là giả mạo và vì vậy mà yêu cầu phục hồi cho họ. Giới lãnh đạo Đảng dưới quyền của bí thư Đỗ Mười thời đó một lần nữa phản ứng hết sức gay gắt: Nguyễn Trung Thành bị khai trừ ra khỏi Đảng và những lá thư của ông bị tịch thu.

Tháng 7 năm 2017, Vũ Thư Hiên viết thư ngỏ thêm một lần nữa (“Vì lịch sử và công lý, chúng tôi lên tiếng”) nhưng vẫn rơi vào trong sự im lặng.

Cho tới ngày nay các nạn nhân của chiến dịch thanh trừng năm 1967 vẫn không được chính thức phục hồi.

Tài liệu tham khảo

Die Partei und der Krieg, Martin Großheim, NXB Regiospectra, Berlin, 2009

Đền Cù, Trần Đình, NXB Người Việt Books, 2014

Hoàng Minh Chính. Từ nhà tù Sơn La đến trại giam B14 Hà Nội, Nguyễn Thanh Giang, 2001:

<https://phanba.wordpress.com/2017/11/11/hoang-minh-chinh-tu-nha-tu-son-la-den-trai-giam-b14-ha-noi/>

Lời Ai Điều, Lê Phú Khải, NXB Người Việt Books, 2016

Tử tù tự xử lý nội bộ. Trần Thư

Thư ngỏ của công dân Hoàng Minh Chính:

<https://phanba.wordpress.com/2017/11/11/thu-ngo-cua-cong-dan-hoang-minh-chinh/>

Vì lịch sử và công lý, chúng tôi lên tiếng, Vũ Thư Hiên:

[https://phanba.wordpress.com/2017/07/27/](https://phanba.wordpress.com/2017/07/27/vu-thu-hien-vi-lich-su-va-cong-ly-chung-toi-len-tieng/)

[vu-thu-hien-vi-lich-su-va-cong-ly-chung-toi-len-tieng/](https://phanba.wordpress.com/2017/07/27/vu-thu-hien-vi-lich-su-va-cong-ly-chung-toi-len-tieng/)

